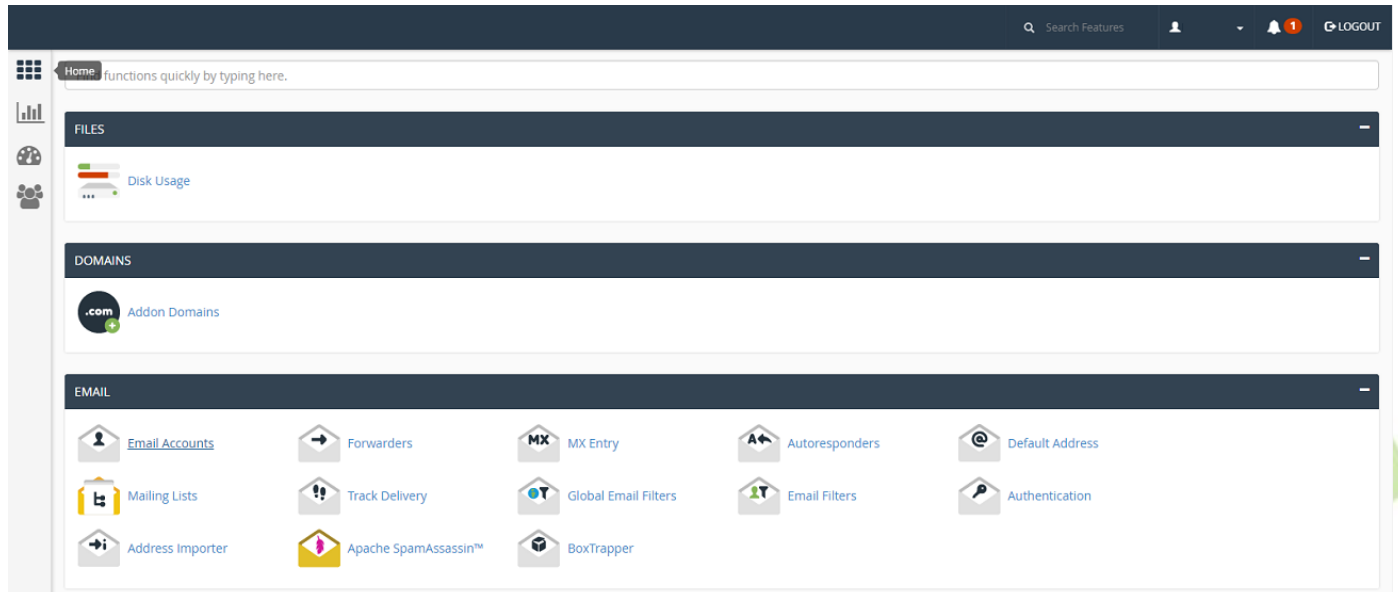


HƯỚNG DẪN QUẢN TRỊ WEBMAIL ADMIN

Mail Cpanel mà chúng tôi hiện đang cung cấp cho Khách hàng hoạt động link cụ thể như sau: <http://mail.tênomain/cpanel> đối với dịch vụ Email dành cho Doanh Nghiệp (Email Cá Nhân - Email Doanh Nghiệp - Email Server Riêng).



1. Email Account:

- Tính năng này hỗ trợ bạn thêm mới địa chỉ email và quản lý email account của các thành viên, bạn hãy điền các thông tin cần thiết như hướng dẫn theo hình bên dưới để tạo email mới.

The screenshot shows the 'Add Email Account' form in cPanel. The form has the following fields and options:

- Email:** A text input field with a placeholder 'Nhập tên email của bạn trước phần miền' and an '@' symbol. A red error message below it says: 'You can only enter letters, numbers, periods, hyphens, and underscores.'
- Password:** A text input field.
- Password (Again):** A text input field.
- Strength:** A progress bar showing 'Very Weak (0/100)' and a 'Password Generator' button.
- Mailbox Quota:** Two radio button options: '1024 MB' (selected) and 'Unlimited'.
- Create Account:** A blue button at the bottom left.

Email: Bạn nhập tên địa chỉ đứng trước @ mà bạn muốn tạo.

Password + Password (Again): Nhập mật khẩu.

Mailbox Quota: Giới hạn dung lượng hộp mail được phép sử dụng.

- Sau khi đã tạo user thì bạn có thể truy cập Webmail của địa chỉ này bằng cách click More > > Access Webmail theo hình bên dưới.

Unlimited

Create Account

Email Accounts

Search Email Page Size: 10

Account @ Domain	Usage / Quota / %	Actions
support@	0 / 1024 MB	Password Quota Set Up Mail Client Delete More
user1@	0 / 1024 MB	Password Quota Set Up M


Information: The system updates mail quota data every four hours.

Default Email Account

Account	Usage	Actions
	0 bytes	Access Webmail

- Bạn hãy click chọn Roundcube để truy cập Webmail.

Choose a Default Webmail Application



Set as Default

For more email configuration options, click the [User Preferences](#) menu in the top navigation bar.

2. Forward:

- Tính năng này giúp bạn tạo một bản email copy chuyển tiếp từ một địa chỉ email hoặc từ một domain đến một địa chỉ email hay một domain khác. Bao gồm hai tùy chọn: Email Account Forward và Forward All Email for a Domain để bạn có thể lựa chọn.

Forwarders

Create an Email Account Forwarder

Managing: All Domains

a. Email Account Forward:

- Bạn chọn Add Forward và thực hiện theo các bước sau:

Address:

- ✓ Address to Forward: Bạn nhập địa chỉ email muốn chuyển tiếp email đến.
- ✓ Domain: Bạn chọn domain mong muốn.
- ✓ Destination: Bạn chọn một trong các tùy chọn sau.
- ✓ Forward to Email Address: Bạn chọn tùy chọn này để chuyển tiếp email nhận đến một địa chỉ khác. Nhập địa chỉ email mà bạn muốn chuyển tiếp trong hộp văn bản.
- ✓ Discard and send an error to the sender (at SMTP time): Bạn chọn tùy chọn này để loại bỏ email được gửi đến và gửi nội dung báo lỗi cho người gửi. Bạn nhập nội dung tin nhắn thất bại trong hộp văn bản.

Advanced Options:

- ✓ Forward to a system account: Bạn chọn tùy chọn này để chuyển tiếp email cho địa chỉ email của hệ thống. Nhập email phù hợp trong hộp văn bản.
- ✓ Pipe to a Program: Bạn chọn tùy chọn này để chuyển tiếp email đến một chương trình và bạn nhập đường dẫn đến chương trình, liên quan tới thư mục chủ của tài khoản.
- ✓ Discard (Not Recommended): Bạn chọn tùy chọn này loại bỏ các email gửi đến mà không cần thông báo lỗi.

b. Forward All Email for a Domain:

- Bạn chọn Add Domain Forwarder và thực hiện theo các bước sau:

Domain: Nhập tên miền mà bạn muốn chuyển tiếp email.

3. Autoresponders:

- Tính năng giúp bạn tạo một email trả lời tự động đến bất cứ ai gửi email đến một account xác định, tính năng có vẻ hữu dụng khi bạn có một thông báo nào đó chung đến người gửi, hoặc sử dụng tài khoản đó như một email support tự động khi có người gửi email đến.

- Bạn chọn Add Autoresponder và thực hiện theo các bước sau:

Domain: Bạn lựa chọn domain cần thêm hoặc chỉnh sửa thiết lập trả lời tự động từ trình đơn quản lý.

Character Set: Bạn thao tác chọn một bộ ký tự từ trình đơn Character Set.

Interval: Bạn nhập khoảng thời gian, theo giờ cho trả lời tự động để chờ phản ứng từ email gửi.

Email: Bạn nhập email cần thiết lập trả lời tự động.

From: Tên của người gửi email đến account mail ở trên, nếu có.

Subject: Tiêu đề email của phản hồi tự động.

Body: Nội dung email của phản hồi tự động.

Start: Thời gian bắt đầu hoạt động của chức năng này, mặc định là Immediately nếu bạn muốn chỉ định thời gian khác thì điều chỉnh tại Custom.

Stop: Thời gian kết thúc hoạt động của chức năng này, mặc định là Never nếu bạn muốn chỉ định thời gian khác thì điều chỉnh tại Custom.

4. Default Address:

- Tính năng này hỗ trợ bạn Catch-All.

- Bạn chọn Default Address và thực hiện theo các bước sau:

- ✓ Domain: Bạn lựa chọn domain cần thiết lập default address.
- ✓ Discard the email while your server processes it by SMTP time with an error message: Tùy chọn này để gửi một thông báo lỗi cho người gửi và Failure Message (seen by sender): nhập nội dung lỗi trả về cho người gửi.
- ✓ Forward to Email Address: Tùy chọn này để bạn chuyển tiếp mail đến một địa chỉ khác hợp lệ và bạn hãy nhập địa chỉ email trong hộp văn bản Forward to EmailAddress.

Advanced Options:

- ✓ Forward to your system account: Bạn chọn tùy chọn này để chuyển tiếp email cho địa chỉ email của hệ thống. Nhập email phù hợp trong hộp văn bản.
- ✓ Pipe to a Program: Bạn chọn tùy chọn này để chuyển tiếp email đến một chương trình và bạn nhập đường dẫn đến chương trình, liên quan tới thư mục chủ của tài khoản.
- ✓ Discard (Not Recommended): Bạn chọn tùy chọn này để loại bỏ các email gửi đến mà không cần thông báo lỗi.
- ✓ Change.

5. Mailing Lists:

- Tính năng này hỗ trợ bạn sử dụng một địa chỉ duy nhất để gửi email cho nhiều địa chỉ email khác.

Use a single address to send email to multiple email addresses. For more information, read the [documentation](#).

Create a Mailing List

List Name
 ❗ Mailing list names may contain only these characters: a-z 0-9 _ -

Password

Password (Again)

Strength ⓘ

Access Type
 Public
 Private

- Bạn chọn Mailing Lists và thực hiện theo các bước sau:

- ✓ List Name: Nhập tên cho Mailing Lists mà bạn cần thiết lập.
- ✓ New password: Nhập mật khẩu bảo mật.
- ✓ Access Type: Bạn chọn một trong các tùy chọn bảo mật sau như:
- ✓ Private: Lưu trữ cá nhân tồn tại trong danh sách gửi thư. Không hiển thị trong danh sách gửi thư.
- ✓ Public: Lưu trữ công khai tồn tại trong danh sách gửi thư. Hiện thị công khai trong danh sách gửi thư.
- ✓ Add: để tạo mailing list mới.

a. Quản lý Mailing List:

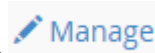
- Sau khi bạn hoàn tất việc khởi tạo Mailing Lists thì bạn sử dụng các chức năng dưới đây để chỉnh sửa, xóa hoặc thay đổi mật khẩu.

- Để quản lý Mailing List thì các bạn làm theo những bước sau đây:

Trong phần chức năng di chuyển đến phần danh sách gửi thư và Bạn có thể tìm kiếm Mailing Lists bất kì bằng cách nhập từ khóa vào ô tìm kiếm. Bạn có thể tìm kiếm Mailing Lists bất kì bằng cách nhập từ khóa vào ô tìm kiếm.

Bảng dưới đây mô tả danh sách hiện tại bạn cần lưu ý:

Bảng mô tả	
Cột	Mô tả
List Name	Thể hiện đầy đủ tên địa chỉ email
Usage	Thể hiện dung lượng mà Mailing Lists đã sử dụng
Access	- Private: Lưu trữ cá nhân tồn tại trong danh sách gửi thư. Không hiển thị trong danh sách gửi thư. - Public: Lưu trữ công khai tồn tại trong danh sách gửi thư. Hiện thị công khai trong danh sách gửi thư.
Admin	Danh sách liệt kê email của người quản trị Mailing Lists này
Functions	Thể hiện những chức năng chính mà bạn có thể thao tác đối với Mailing List



Trong cột quản lý bạn nhấp vào liên kết quản lý bên cạnh tên của danh sách gửi thư.

Current Lists

Search

Page Size

List Name ▲	Usage	Access	Admin	Functions
	20.46 KB	public		Delete Change Password Manage Delegation

Sau khi giao diện quản lý Mailman xuất hiện thì bạn có thể xác định tùy chọn cấu hình cho phù hợp với mục đích sử dụng.

mailing list administration
General Options Section

Configuration Categories

- [General Options](#)
- [Passwords](#)
- [Language options](#)
- [Membership Management](#)
- [Non-digest options](#)
- [Digest options](#)
- [Privacy options...](#)
- [Bounce processing](#)
- [Archiving Options](#)
- [Mail---News gateways](#)
- [Auto-responder](#)
- [Content filtering](#)
- [Topics](#)

Other Administrative Activities

- [Tend to pending moderator requests](#)
- [Go to the general list information page](#)
- [Edit the public HTML pages and text files](#)
- [Go to list archives](#)
- [Logout](#)

Make your changes in the following section, then submit them using the *Submit Your Changes* button below.

General Options

Fundamental list characteristics, including descriptive info and basic behaviors.

b. Xóa Mailing List:

- Để thao tác xóa Mailing List thì các bạn làm theo những bước sau đây:

Trong phần chức năng di chuyển đến phần danh sách gửi thư và bạn có thể tìm kiếm Mailing Lists bất kì bằng cách nhập từ khóa vào ô tìm kiếm.

Trong cột quản lý bạn nhấp vào liên kết xóa bên cạnh tên của danh sách gửi thư.

Bạn nhấp Delete Mailing List để xác nhận.

6. Track Delivery:

- Tính năng này sẽ hiển thị các báo cáo về tình trạng giao dịch từ địa chỉ email của bạn hoặc của người khác tới bạn. Bạn hãy sử dụng tính năng này để theo dõi lộ trình của một tin nhắn và các vấn đề lỗi phát sinh nếu có xảy ra khi bạn gửi hay nhận mail.

Track Delivery

Review an email's delivery route. This can be useful if you need to locate problems with email delivery. For more information, read the [documentation](#).

Recipient Email (optional)

The search matches 40 records. Page 1 of 2 | Page 1 | Show 25 Results









Show Successes Show Deferred Show Failures Show In-Progress

Max Results/Type:

Event	Sender	Sent Time	Spam Score	Recipient	Result	Actions
✓	report.thethaodientu.com.vn@gmail.com	Jun 28, 2016 3:57:15 PM	0		Accepted	i
✓	report.thethaodientu.com.vn@gmail.com	Jun 28, 2016 1:49:13 PM	0		Accepted	i
✓	report.thethaodientu.com.vn@gmail.com	Jun 28, 2016 12:20:12 PM	0		Accepted	i
✓	report.thethaodientu.com.vn@gmail.com	Jun 28, 2016 12:14:12 PM	0		Accepted	i

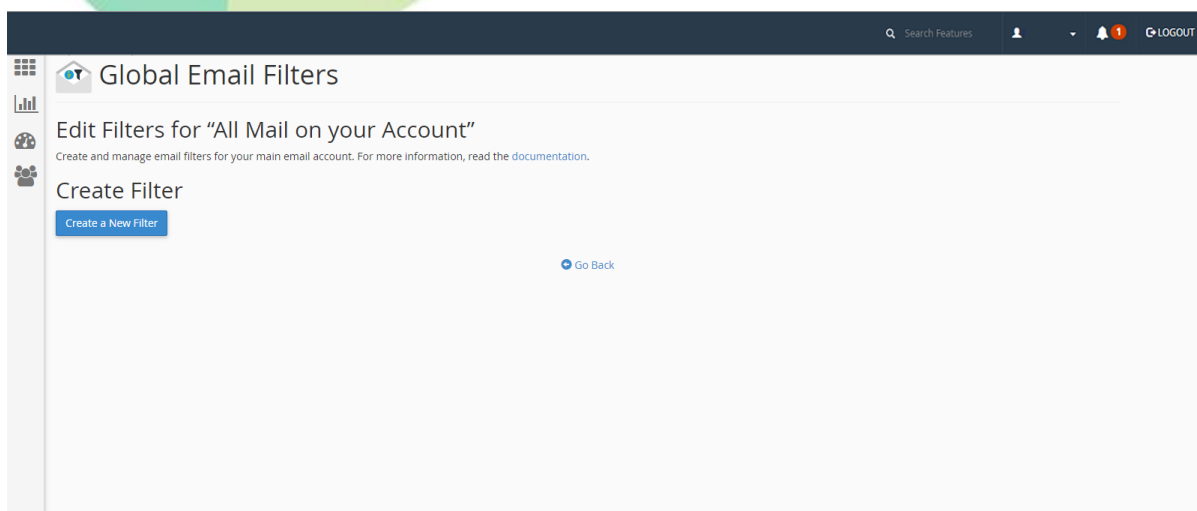
- Mặc định giao diện chỉ có hiển thị 250 report mới nhất về tình trạng gửi hay nhận mail của bạn.

- Để xem trạng thái của những giao dịch mail thì các bạn làm theo những bước sau đây. Nhập địa chỉ email của người nhận vào ô tìm kiếm.
- Để hiển thị tất cả thông điệp trạng thái của tài khoản thì bạn không cần nhập địa chỉ email ô tìm kiếm.
- Bạn chọn Show All để hiển thị tất cả các thông báo trong bảng báo cáo.
- Nếu bạn chỉ muốn hiển thị tất cả những giao dịch mail thất bại thì bạn chọn Show Blocked & Failed.
- Phân loại kết quả truy vấn về lỗi mà bạn có thể theo dõi vào các cột sau:

Bảng phân loại	
Cột	Mô tả
Event	<ul style="list-style-type: none">  - Trạng thái thể hiện mail giao dịch thành công  - Trạng thái thể hiện không rõ hoặc giao dịch đang được xử lý  - Trạng thái thể hiện mail giao dịch đang bị trì hoãn chưa thể gửi đi  - Trạng thái thể hiện mail gặp lỗi khi giao dịch  - Hệ thống lưu trữ tin nhắn.  - Trạng thái thể hiện mail bị từ chối lúc gửi. Điều này thường xảy ra khi máy chủ gửi mail không sử dụng cấu hình an toàn hay máy chủ bị liệt kê trong danh sách Blackhole List (RBL).  - Trạng thái thể hiện máy chủ mail đã tiếp nhận giao dịch mail của bạn nhưng không phân phối mail đến người nhận. Điều này thường xảy ra do thiết lập lọc mail của bạn.
User	Thể hiện dung lượng mà Mailing Lists đã sử dụng
Sender	Địa chỉ email đã gửi
Sent Time	Thể hiện thời gian đã gửi
Spam core	Apache SpamAssassin™ điểm của mail gửi
Recipient	Địa chỉ email đã nhận
ID	
Result	Mô tả kết quả giao dịch mail của bạn
Actions	Bạn nhấn liên kết  để xem thông tin giao dịch mail đã chọn. Thông tin này hiển thị: người gửi, người nhận, tên người dùng cũng như trạng thái mail giao dịch này.

7. Global Email Filters:

- Tính năng này giúp bạn tạo và quản lý bộ lọc email cho các tài khoản tên miền của bạn.



- Để thao tác tạo bộ lọc mới bạn nhấp chọn Create a New Filter thì các bạn làm theo những bước sau đây:

Create Filter:

Filter Name: Nhập tên của bộ lọc


Rules: Thiết lập cấu hình hành động chặn theo nhu cầu của bạn.

Bạn nhấp Create để khởi tạo filter.

Current Filters:

- Danh sách tất cả những filter mà bạn đã khởi tạo và bạn có thể thao tác chỉnh sửa hay xóa filter theo những bước sau đây.


Edit a filter: Để thao tác chỉnh sửa cấu hình filter trước đó bạn đã tạo thì bạn hãy thao tác theo các bước sau:

Bạn hãy nhấp liên kết  Edit bên cạnh filter thích hợp cần chỉnh sửa.

Sau đó bạn thực hiện những thay đổi mong muốn trong filter.

Bạn nhấp Create khi hoàn tất thay đổi.

Delete a filter: Để thao tác xóa cấu hình filter trước đó bạn đã tạo thì bạn hãy thao tác theo các bước sau:

Bạn hãy nhấp liên kết  Delete bên cạnh filter thích hợp cần thao tác xóa.

Bạn nhấp Delete Filter.


8. Email Filters:

- Tính năng giúp bạn tạo và quản lý bộ lọc email giống tính năng Global Email Filters nhưng khác ở chỗ tính năng này chỉ quản lý bộ lọc cho một địa chỉ email mà bạn chỉ định mà không làm ảnh hưởng tới những địa chỉ email khác trong miền chính của bạn.

The screenshot shows the 'Email Filters' management page. At the top, there is a search bar and a 'LOGOUT' button. Below the header, there is a navigation menu with icons for home, dashboard, and users. The main content area is titled 'Email Filters' and includes a brief description: 'Create and manage email filters for an email address that you specify. This can be useful if you want to avoid spam, redirect mail, or pipe messages to a program. For more information, read the [documentation](#).' Below this, there is a section 'Filters by Users' with a search input and a 'Go' button. A table lists the filters for two accounts: 'support@' and 'user1@m.'. Each account has a 'Manage Filters' link. At the bottom, there are pagination controls: 'Page: First 1 Last' and 'Per Page: 10 Go', along with a 'Go Back' button.

- Để thao tác tạo bộ lọc cho một địa chỉ email được chỉ định thì các bạn làm theo những bước sau đây:

The screenshot shows the 'Create a New Filter for "user1@"' form. The title is 'Create a New Filter for "user1@"'. Below the title, there is a description: 'Please create a filter below. You can add multiple rules to match subjects, addresses, or other parts of the message. You can then add multiple actions to take on a message such as to deliver the message to a different address and then discard it.' The form has several sections: 'Filter Name' with a text input containing 'Chặn Mail' and a note that the name must be unique; 'Rules' with a dropdown menu set to 'From', a 'contains' operator, and a text input containing 'mb@example.com'; and 'Actions' with a dropdown menu set to 'Fail With Message' and a text input containing 'Từ chối'. There are plus and minus buttons next to the 'Rules' and 'Actions' sections. A 'Create' button is at the bottom left, and a 'Go Back' button is at the bottom right.

- Trong bảng danh sách email được thể hiện và bạn hãy nhấp liên kết quản lý bộ lọc  bên cạnh địa chỉ email thích hợp. - Bạn nhấp Create a New Filter để tạo bộ lọc riêng cho email được bạn chỉ định.

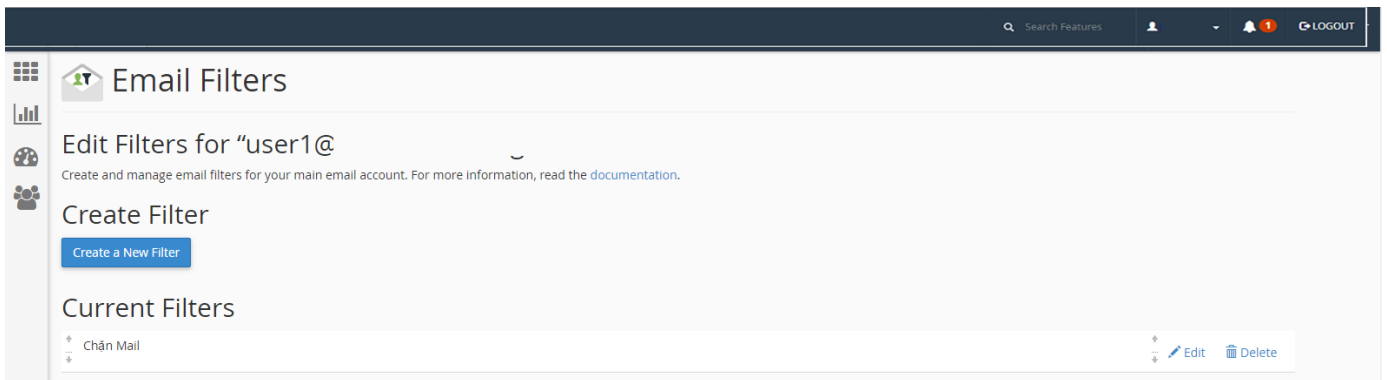
Create Filter:

Filter Name: Nhập tên của bộ lọc

Rules: Thiết lập cấu hình hành động chặn theo nhu cầu của bạn.

Bạn nhấp Create để khởi tạo filter.

Current Filters



- Danh sách tất cả những filter mà bạn đã khởi tạo và bạn có thể thao tác chỉnh sửa hay xóa filter theo những bước sau đây.

Edit a filter

Bạn hãy nhấp liên kết bên cạnh filter thích hợp cần chỉnh sửa.

Sau đó bạn thực hiện những thay đổi mong muốn trong filter.

Bạn nhấp Create khi hoàn tất thay đổi.

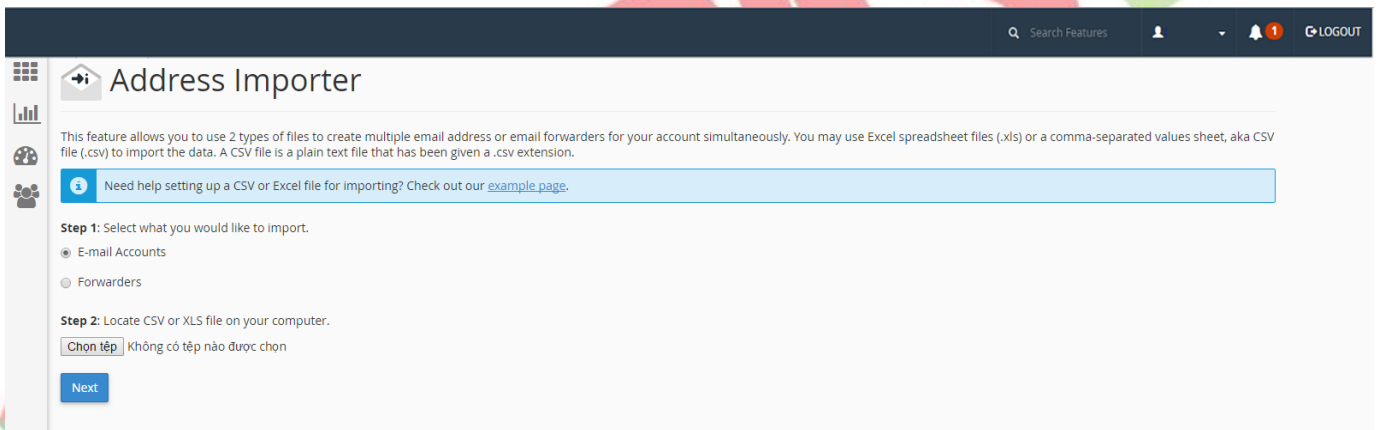
Delete a filter

Bạn hãy nhấp liên kết bên cạnh filter thích hợp cần thao tác xóa.

Bạn nhấp Delete Filter.

9. Address Importer:

- Tính năng giúp bạn có thể thêm danh sách email theo miền chính của bạn từ file CSV hoặc XLS.



- Để thao tác bạn sẽ lựa chọn 2 mục:

E-mail Accounts: theo danh sách email mà bạn muốn khởi tạo theo miền chính.

Forwarders: theo danh sách cấu hình chuyển tiếp mail mà bạn muốn khởi tạo.

- Bạn nhấp chọn Tệp để chỉ đến đường dẫn lưu file CSV hoặc XLS mà bạn đã thiết lập sẵn trước đó để thao tác Import.

10. Apache SpamAssassin™:

- Tính năng hỗ trợ bạn đặt bộ lọc nhận dạng thư rác.

Apache SpamAssassin™ is a mail filter that identifies spam. It is an intelligent email filter that uses a diverse range of tests to identify unsolicited bulk email, more commonly known as spam. These tests examine email headers and content to classify email with advanced statistical methods. More information is available at spamassassin.apache.org

Apache SpamAssassin™ is currently enabled.

[Disable Apache SpamAssassin™](#)

Filters

Spam Auto-Delete is Disabled

You can automatically delete messages that the system marks as spam. First, set the number of hits that you wish to require before the system marks mail as spam.

NOTE: 5 is the default setting. The higher the number, the more conservative the setting.

Score

5

[Auto-Delete Spam](#)

You may also disable auto-deletion of spam.

[Disable Auto-Delete Spam](#)

Apache SpamAssassin™ Configuration

You may also configure the different settings for Apache SpamAssassin™.

[Configure Apache SpamAssassin™](#)

11. BoxTrapper:

- Tính năng hỗ trợ bảo vệ thư đến của bạn.

BoxTrapper protects your inbox from spam by requiring all email senders not on your Whitelist reply to a verification email before you can receive their mail.

Warning: Users will need to keep an eye on their BoxTrapper Queues to ensure that mail they wish to receive is not trapped.

Search [Go](#)

Account	Status	Function
	Disabled	Manage
support@	Disabled	Manage
user1@r	Enabled	Manage

Page: [First](#) [1](#) [Last](#) Per Page: [Go](#)

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI NGUYỄN HUY (Emsvn)

Địa chỉ : Tầng 3, tòa nhà Indochina, Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

Tel : (028) 6288 5019

Email : info@emsvn.com ; support@emsvn.com ; nguyenhuy.hotro@gmail.com

Website: <http://www.emsvn.com> ; <http://www.webban.vn>